

Trà Vinh, ngày 17 tháng 12 năm 2021

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 03/GPXD

1. Cấp cho: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN THÔNG THUẬN – TRÀ VINH

- Giấy chứng nhận đầu tư số 5872108311 ngày 17/5/2019 do Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh cấp (chứng nhận thay đổi lần 3 ngày 03/8/2021).

- Người đại diện: Ông Trương Hữu Thông, Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

- Địa chỉ trụ sở chính: Ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Số điện thoại: 0989117898.

2. Được phép xây dựng các công trình thuộc dự án: Nhà máy chế biến tôm xuất khẩu Thông Thuận Trà Vinh

- Do Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bảo Phúc Long lập.

- Đơn vị thẩm tra: Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng PH-ARC.

- Đơn vị thẩm định: Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh.

- Vị trí xây dựng: Thửa đất số 1536, tờ bản đồ số 4 tại Khóm 30/4, Phường 2, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Diện tích 24.417,2 m².

- Mật độ xây dựng: 60% , hệ số sử dụng đất: 0,61.

- Loại, cấp công trình: Công trình công nghiệp, cấp III.

- Chỉ giới đường đỏ, xây dựng: Đề nghị Chủ đầu tư tổ chức thi công các công trình nằm trong phạm vi của thửa đất của dự án.

2.1. Phần nội dung điều chỉnh

2.1.1. Công trình số 01: Nhà bảo vệ và hàng rào

* Nhà bảo vệ:

- Diện tích xây dựng tầng 1: 38,46 m².

- Tổng diện tích sàn: 38,46 m².

- Chiều cao công trình: 4,4 m.

- Số tầng: 01 tầng.

- Cốt xây dựng: Cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,2 m.

* Hàng rào:

- Tổng chiều dài: 320,84 m (trong đó phần cổng chính + cổng phụ + bảng tên là 15,6 m và tường rào là 305,24 m).

- Chiều cao công trình: 2,1 m.

2.1.2. Công trình số 02: Nhà xe số 01



- Diện tích xây dựng tầng 01: 69,44 m².
- Tổng diện tích sàn: 69,44 m².
- Chiều cao công trình: 3,2 m.
- Số tầng: 01 tầng.
- Cốt xây dựng: Cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,1 m.

2.1.3. Công trình số 03: Nhà xe số 02

- Diện tích xây dựng tầng 01: 600,60 m².
- Tổng diện tích sàn: 600,60 m².
- Chiều cao công trình: 4,873 m.
- Số tầng: 01 tầng.
- Cốt nền xây dựng công trình: Cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,1 m.

2.1.4. Công trình số 04: Bể xử lý nước thải

- Diện tích xây dựng: 730,40 m².
- Tổng diện tích xây dựng: 730,40 m².
- Chiều cao công trình: Hồ 1 là 2,5 m; Hồ 2 là 4,5 m; Hồ 3 là 1,5 m.
- Chiều sâu công trình : Hồ 1 là 1,9 m; Hồ 2 là 1,9 m; Hồ 3 là 1,5 m.

*** Phần Nhà điều hành:**

- Diện tích xây dựng tầng 01: 26,6 m².
- Tổng diện tích sàn: 26,6 m².
- Chiều cao công trình: 4,1 m.
- Số tầng: 01 tầng.
- Cốt xây dựng: Cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,1 m.

2.1.5. Công trình số 05: Nhà và hồ chứa nước cấp (02 cái)

- Diện tích xây dựng tầng 01 (02 nhà): 954,09 m² (trong đó diện tích xây dựng tầng 1 của 1 nhà là 477,045 m²).
- Tổng diện tích sàn (02 nhà): 954.09 m².
- Chiều cao công trình: 4,626 m.
- Chiều sâu công trình: 1,4 m.
- Số tầng: 01 tầng.

2.1.6. Công trình số 06: Nhà ở tập thể

*** Phần sửa chữa, cải tạo giữ nguyên theo GPXD số 10/GPXD ngày 23/8/2019.**

*** Phần mở rộng điều chỉnh:**

- Diện tích xây dựng tầng 01: 422,62 m².
- Tổng diện tích sàn: 422.62 m².
- Chiều cao công trình: 5,158 m.
- Số tầng: 01 tầng.
- Cốt xây dựng: Cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,1 m.

2.1.7. Công trình số 07: Nhà ăn

* Phần sửa chữa, cải tạo giữ nguyên theo GPXD số 10/GPXD ngày 23/8/2019.

* **Phần mở rộng điều chỉnh:**

- Diện tích xây dựng tầng 01: 628,4 m².
- Tổng diện tích sàn: 628,4 m².
- Chiều cao công trình: 5,987 m.
- Số tầng: 01 tầng.
- Cốt xây dựng: Cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,3 m.

2.1.8. Công trình số 08: Nhà vệ sinh số 1

- Diện tích xây dựng tầng 01: 150,675 m².
- Tổng diện tích sàn: 150,675 m².
- Chiều cao công trình: 3,9 m.
- Số tầng: 01 tầng.
- Cốt xây dựng: Cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,3 m.

2.1.9. Công trình số 09: Nhà xưởng cơ khí

- Diện tích xây dựng tầng 01: 207,48 m².
- Tổng diện tích sàn: 207,48 m².
- Chiều cao công trình: 5,063 m.
- Số tầng: 01 tầng.
- Cốt xây dựng: Cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,1 m.

2.1.10. Công trình số 10: Tháp nước (giữ nguyên theo GPXD số 10/GPXD ngày 23/8/2019).

2.1.11. Công trình số 11: Nhà để kho lạnh

- Diện tích xây dựng tầng 01: 915,12 m².
- Tổng diện tích sàn: 915.12 m².
- Chiều cao công trình: 10,28 m.
- Số tầng: 01 tầng.
- Cốt xây dựng: Cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,2 m.

2.1.12. Công trình số 12: Nhà văn phòng + kho bao bì

* Phần sửa chữa, cải tạo giữ nguyên theo GPXD số 10/GPXD ngày 23/8/2019.

* **Phần mở rộng điều chỉnh:**

- Diện tích xây dựng tầng 01: 96,6 m².
- Tổng diện tích sàn: 96,6 m².
- Chiều cao công trình: 5 m.
- Số tầng: 01 tầng.
- Cốt xây dựng: Cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,6 m.

2.1.13. Công trình số 13: Nhà xưởng chế biến tôm

* Phần sửa chữa, cải tạo giữ nguyên theo GPXD số 10/GPXD ngày 23/8/2019.

* **Phần mở rộng điều chỉnh:**

- Diện tích xây dựng tầng 01: 3.045,81 m².
- Tổng diện tích sàn: 3.045,81 m².
- Chiều cao công trình: 8,09 m.
- Số tầng: 01 tầng.
- Cốt xây dựng: Cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,45 m.

2.1.14. Công trình số 14: Nhà giặt

* **Hiện trạng công trình:**

- Diện tích xây dựng tầng 1: 137,94 m².
- Tổng diện tích sàn: 137,94 m².
- Chiều cao công trình: 5,15 m.
- Số tầng: 01 tầng.
- Cốt xây dựng: Cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,2 m.

* **Được phép sửa chữa, cải tạo với nội dung sau:** Sơn lại toàn bộ nhà, thay mới cửa đi, cửa sổ, trần, mái tole và phá bỏ, xây mới thêm tường một số vị trí tại cửa sổ, cửa đi gắn mới phần mở rộng.

- Diện tích cải tạo: 137,94 m².
- Tổng diện tích sàn: 137,94 m².
- Chiều cao công trình: 5,15 m.
- Số tầng: 01 tầng.
- Cốt xây dựng: Cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,2 m.

* **Được phép mở rộng với nội dung sau:**

- Diện tích mở rộng: 102,6 m².
- Tổng diện tích sàn mở rộng: 102,6 m².
- Chiều cao công trình: 5,15 m.
- Số tầng: 01 tầng.
- Cốt xây dựng: Cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,2 m.

2.1.15. Công trình số 15: Nhà chứa chất thải nguy hại (giữ nguyên theo GPXD số 10/GPXD ngày 23/8/2019).

2.1.16. Công trình số 16: Nhà chứa hệ thống lọc nước

- Diện tích xây dựng tầng 01: 58,8 m².
- Tổng diện tích sàn: 58,8 m².
- Chiều cao công trình: 3,4 m.
- Số tầng: 01 tầng.
- Cốt xây dựng: Cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,2 m.



2.1.17. Công trình số 17: Nhà xe số 3

- Diện tích xây dựng tầng 01: 54,9 m².
- Tổng diện tích sàn: 54,9 m².
- Chiều cao công trình: 3,2 m.
- Số tầng: 01 tầng.
- Cốt nền xây dựng công trình: Cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,1 m.

2.1.18. Công trình số 18: Nhà chứa lò hơi

- Diện tích xây dựng tầng 01: 52,2 m².
- Tổng diện tích sàn: 52,2 m².
- Chiều cao công trình: 4,9 m.
- Số tầng: 01 tầng.
- Cốt nền xây dựng công trình: Cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,2 m.

2.1.19. Công trình số 19: Nhà vệ sinh số 02

- Diện tích xây dựng tầng 01: 16,8 m².
- Tổng diện tích sàn: 16,8 m².
- Chiều cao công trình: 3,2 m.
- Số tầng: 01 tầng.
- Cốt xây dựng: Cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,2 m.

2.1.20. Công trình số 20: Nhà sản xuất đá cây (giữ nguyên theo GPXD số 10/GPXD ngày 23/8/2019).**2.2. Phần cấp mới:****2.2.1. Công trình số 01: Nhà tổ chức + kế toán**

- Diện tích xây dựng tầng 01: 250,8 m².
- Tổng diện tích sàn: 250,8 m².
- Chiều cao công trình: 4,6 m.
- Số tầng: 01 tầng.
- Cốt xây dựng: Cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,5 m.

2.2.2. Công trình số 02: Nhà y tế + phòng lab

- Diện tích xây dựng tầng 01: 358,21 m².
- Tổng diện tích sàn: 358,21 m².
- Chiều cao công trình: 4,4 m.
- Số tầng: 01 tầng.
- Cốt xây dựng: Cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,4 m.

2.2.3. Công trình số 03: Nhà kho tổng hợp

- Diện tích xây dựng tầng 01: 153,34 m².
- Tổng diện tích sàn: 153,34 m².
- Chiều cao công trình: 4,65 m.
- Số tầng: 01 tầng.

- Cốt xây dựng: Cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,2 m.

2.2.4. Công trình số 04: Nhà trạm điện số 1 + máy phát điện

- Diện tích xây dựng tầng 01: 31,5 m².

- Tổng diện tích sàn: 31,5 m².

- Chiều cao công trình: 3,6 m.

- Số tầng: 01 tầng.

- Cốt xây dựng: Cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,2 m.

2.2.5. Công trình số 05: Nhà xưởng sấy dầu tôm

- Diện tích xây dựng tầng 01: 489,24 m².

- Tổng diện tích sàn: 489,24 m².

- Chiều cao công trình: 8,2 m.

- Số tầng: 01 tầng.

- Cốt xây dựng: Cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,2 m.

2.2.6. Công trình số 06: Nhà xưởng sơ chế nguyên liệu

- Diện tích xây dựng tầng 01: 910,04 m².

- Tổng diện tích sàn: 910,04 m².

- Chiều cao công trình: 5,173 m.

- Số tầng: 01 tầng.

- Cốt xây dựng: Cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,3 m.

2.2.7. Công trình số 07: Hồ thu nước thải

- Diện tích xây dựng tầng 01: 108 m².

- Tổng diện tích sàn: 108 m².

- Chiều cao công trình: 3,419 m.

- Chiều sâu công trình: 1 m.

- Số tầng: 01 tầng.

- Cốt xây dựng: Cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,4 m.

2.2.8. Công trình số 08: Nhà xưởng chế biến tôm tempura

- Diện tích xây dựng tầng 01: 663,84 m².

- Tổng diện tích sàn: 663,84 m².

- Chiều cao công trình: 6,45 m.

- Số tầng: 01 tầng.

- Cốt xây dựng: Cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,4 m.

2.2.9. Công trình số 09: Nhà trạm điện số 3

- Diện tích xây dựng tầng 01: 20,21 m².

- Tổng diện tích sàn: 20,21 m².

- Chiều cao công trình: 3,6 m.

- Số tầng: 01 tầng.

- Cốt xây dựng: Cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,2 m.

2.3. Các công trình hạ tầng kỹ thuật khác: Giữ nguyên đường giao thông hiện hữu, trạm biến áp, nhà để máy phát điện, bể xử lý nước cấp; diện tích hệ thống giao thông mới + sân bãi với diện tích khoảng 6.689 m²; Hệ thống cấp điện và điện chiếu sáng ngoài nhà; Hệ thống cấp nước; Hệ thống thoát nước mưa, thải; Hệ thống chống sét; Hệ thống phòng cháy chữa cháy.

3. Giấy tờ về đất đai: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT04446 do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh cấp ngày 27/8/2019.

4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng: Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./Huy

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư;
- Lưu: VT, QLQHXD&TNMT.



KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Trần Viễn Phương

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kết.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Thực hiện thông báo khởi công xây dựng công trình theo quy định.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh/ gia hạn:

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

....., ngày tháng năm

TRƯỞNG BAN